

NHÀ VĂN HIẾU ĐỆ VÀ LƯU XỬ U-MINH

Nguyễn Vy-Khanh

Văn-học Việt Nam hải ngoại, tiếp thừa một nền văn học khai phóng, đa dạng và tự do của miền Nam, sau thời ban đầu ngõ ngàng mất nước, bút ký, văn thơ nhiều; nhưng từ khi có những 'tù' cải tạo, bộ phận hồi ký đã được tiếp tục và sinh động hơn - một cách buồn thảm, với những cựu tù mới qua theo các diện H.O. và O.D.P. đoàn tụ gia đình. Các hồi ký xuất bản sau này có thêm lợi thế ít nhất ở hai điểm: có thể viết rõ hơn về việc và người mà không sợ nguy cho họ, và hận thù cũng đã lắng xuống để có những cái nhìn con người và thật lòng hơn. Khác với hồi ký của những kẻ may mắn đi trước kẻ lễ công lao và tự đề cao, lớp hồi ký cải tạo thật sự được viết đến như những vết sẹo tưởng như đã lành nhưng vẫn đau nhói mỗi khi đụng tới. Năm 2006, nhà văn Hiếu Đệ đã cho xuất bản *Lưu Xử U-Minh* (Paris : Hương Cau), một hồi ký cô đọng qua hình thức bút ký, về con đường đoạn trường mà ông đã trải qua. Hiếu Đệ đã ngồi tù cộng sản 11 năm tại các trại tập trung cải tạo Gia Trung và Hàm Tân (1976-87) và sau đó bị lưu đày lao động ở vùng U-Minh. Ông tị nạn sang Hoa Kỳ từ 1992 và mất ở đó năm 2009.

Một số nhà văn của miền Nam Việt-Nam từng trải qua nhiều năm 'cải tạo', 'học tập'- những goulag và 'trại súc vật', sau khi sống sót trở về và tị-nạn sang xứ người, trong các tác-phẩm của họ đã có một phong cách ngôn-ngữ khá đặc biệt, tạm gọi là ngôn-ngữ 'hậu cải tạo' mà chúng tôi đã nhận thấy qua một số các nhà văn nhà thơ như Thảo Trường, Dương Tử, Hiếu Đệ, Trạch Gầm, v.v.

Tác giả Hiếu Đệ đã nhắc nhở chuyện "U-Minh từng trải qua những cuộc chiến tranh máu lửa chống Pháp, chống Mỹ và ngày nay còn chống cả Cộng sản miền Bắc nữa". Chính *Lưu Xử U-Minh* đã là một phác họa trung thành cuộc chiến sau cùng này, vừa phức tạp vì kẻ thù nay hết đơn thuần là những đế quốc xa xôi, vừa là một sự thật lịch sử về những toan tính và công trình phản lại thiên nhiên và con người. Bạn hữu của Hiếu Đệ, các nhà văn An Khê và Sơn Nam, thuở sinh tiền đều đã khuyến khích ông viết lại chứng

tích của lịch sử dân tộc mà ông đã kinh qua và Hiếu Đệ đã hoàn thành ý nguyện chung đó.

Lưu Xử U-Minh thật vậy, đã góp phần phác họa chân dung miền Nam (và cả nước Việt Nam) khi đã rơi vào tay cộng sản toàn trị Hà-nội. Hà-nội phỉnh lừa việc trình diện tập trung đi học tập, rồi học tập tốt về sớm, nhưng "chúng đều cáng, ba que xỏ lá. Gạt gắm người lương thiện, lưu đày tớ về đây, xa cách vợ tớ ngàn trùng! Có tức ói máu ra không chớ?" (tr. 152) - như lời tâm sự của một người bạn đồng học ở Cao đẳng Mỹ thuật cùng cảnh ngộ (người bạn này về sau tự thiêu chết khi người vợ lên xe hoa với một cán bộ). Hiếu Đệ cũng vậy, từ trại Bù Gia Mập, Trảng Sụp, được tạm thả rồi bị bắt lại và cưỡng chế đi lao động công nông trường vùng U-Minh. Nhiều người bắt ngờ khi nhận được lệnh tha, tưởng đã thoát địa ngục, nhưng đó chỉ là mưu sâu của đám Bắc-bộ phủ, như nhận xét của Như Báo, bạn đồng cảnh ngộ với Hiếu Đệ: "Học tập thêm hay chết một lần nữa cũng thế thôi. Nó ác ôn lắm, có tử tế gì! Cho ra tay này lại tước đoạt bằng tay kia, mà còn lại vận lợi ngón nữa... Đừng bao giờ tin nó hết ghen!" (tr. 14). Nghĩa là hãy bỏ ngoài tai đừng tin những lời có vẻ 'đường mật, nhân đạo' của đám cán bộ, nào là "chánh phủ mới đưa các anh đến nơi đất cát phì nhiêu, cấp nhà cho ở, cung cấp hoa màu, lương thực để anh em tự do công tác, tự do sinh hoạt, lấy lao động làm vinh quang mà tạo nên của cải cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội (...). Anh em nên cảm ơn lãnh đạo đảng và nhà nước, mà khi đến nơi phải cố gắng làm việc (...) để khổ phụ lòng những người đã làm cho anh em giác ngộ, bỏ tối về sáng (?), bỏ ác về lành (?)" (tr. 19).

Khi bị đưa đến U-Minh, Hiếu Đệ chỉ mong đây "chẳng qua chỉ là một giai đoạn gian khổ ... Rồi trước sau gì cũng qua thôi. Không lẽ cuộc đời mình cứ phải bị lưu đày mãi sao?" (tr. 75). Nhưng thực tế thì khác hẳn những lời tuyên truyền, láo khoét. "U-Minh là vùng đất mới, được triệt để khai thác sau năm 1975, khi chiến tranh chấm dứt". Theo tác giả, đây là nơi "rừng sát mênh mông, rừng tràm ngập nước bát ngát. Đất nhiều phen và thắp. Là nơi có nhiều vùng đất lỏng bồng, nước đặt sệt. Đây là đất bồi. Đất cứng ở bên dưới, bên trên là lá mục chồng chất nhiều thán, nhiều năm..." (tr. 47).

Sau khi Việt-cộng cưỡng chiếm miền Nam vào tháng Tư 1975, người dân được ném mìn ăn cơm độn với sắn nhưng cũng không đủ no; họ đã phải ăn bo bo, là thực phẩm dành cho súc vật, do các nước 'anh em' Đông Âu viện trợ. Vì thế, dân gian đã có những câu:

- "Hoan hô độc lập tự do
Đề cho tờ nhá bo bo sái hàm".

- "Nhân dân thì chẳng cần lo
Đảng ta lo sắn bo bo mỗi ngày
Hãy chăm tay cấy tay cày
Nhịn ăn nhịn mặc chờ ngày vinh quang".

Diễn văn 'lưỡi gổ' đã khiến người dân thật sự bất mãn:

- "Rau muống bở hơn nhân sâm
Khoai lang củ sắn là phần của dân.
Cán bộ chỉ chực ăn phân
Thủ trưởng, cục trưởng là quân cướp ngày".

Hà-nội tuyên truyền rằng miền Nam bị Mỹ nguy đô hộ, bóc lột để biện minh việc lập trò Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam; lúc mới về thành, Mặt Trận được cò mồi đóng vai quân quản, đã lớn miệng tuyên bố "nhà chúng ta ở, vợ chúng ta lấy, con chúng ta bắt làm nô lệ" (lời Nguyễn Hộ), không ngờ bọn họ cũng chỉ là những con cờ thí của một cuộc cờ gian, người Mặt Trận giải phóng bị 'phỏng giá' - vậy mà vẫn có người hùa theo 'cách mạng', trong khi quân cán chính của miền Nam xuống cấp:

- "Cán bộ tập kết miền Nam
Múi chanh vắt cạn vỏ nằm gốc me
Đầu đường Đại tá vá xe
Cuối đường Trung tá bán chè đậu đen
Giữa đường Thiếu tá rao kem.
Mấy thằng cách mạng bon chen làm gì
Bọn này mặt mũi đen sì
Để cho chết hết sá gì bọn bây
Ngày xưa chống Mỹ chống Tây
Ngày nay chống gậy ăn mày áo cơm".

Người dân thành phố bị Cộng-sản Hà Nội cướp hết cửa cải, nhà cửa mà còn bị đẩy đi những nơi mà mỹ từ chúng gọi là "kinh tế mới", và gọi là để "bù lại, mỗi gia đình được cấp cho một cái nhà mẹ bồng con, cất ọp-ọp bằng cây tràm và lá dứa nước. Tất cả vợ chồng con cái đều bị lừa xuống Rừng Sát bắt trồng lúa sạ lấy mà ăn. Đám người này bị lên án là bọn tư sản và có dính liền đến

chế độ cũ, bị chỉ định cư trú cũng như mấy em" (tr. 77) - 'mấy em' mà lão Bình Xuyên nói đây là các công trường viên.

U-Minh vốn là đất của muối mòng :

"U-Minh là đất sinh lầy
Muối kêu như sáo thổi
Đĩa lênh tợ bánh canh" (tr. 242).

Đến nổi trâu cũng phải ngũ mòng. Đất lưu xứ hiểm nghèo, muối đốt nên dễ bị truyền lây bệnh viêm gan, người địa phương gọi là 'sơ gan củ chướng' vì người bị bệnh bụng bị lớn như có nước, ...

"U-Minh là xứ muối. Muối hằng hà sa số, nhứt là về chiều, muối bay kêu vo vo nghe như tiếng sáo. Ở ngoài mòng mà không un củi cho có nhiều khói là muối bay... rất mặt" và "Chỉ mới nhích mép mòng một ly, mà muối đàn đã chung vô mòng rồi. Muối U-Minh sao mà to thế, nó lại không đen, mà màu vàng. Khó tìm thấy trong đêm, trên lớp mòng trắng,..."(tr. 52, 53)

Công trường kinh tế 'dựa lưng vào Rừng Tràm' là chốn khổ hình của những công trường viên. "Đời sống gạo chợ, nước sông quanh năm cứ lợi bị bõm. Dầm mình trong vùng nước Tràm màu Coca Cola, rồi uống nước màu đỏ ngẫu ấy. Như vậy, làm sao con người không sanh bệnh?..." (tr. 243). Phương tiện giao thông ở đây là những chiếc xuồng ba lá, vì không có đường đất thông thường. Cái chết cũng khác, nơi Rừng Tràm này gặp mùa nước không có đất chôn là phải tốn kém nhiều hơn, phải chôn treo cây chờ nước rút và đả số chôn kiểu 'tràm thủy'.

Lưu Xứ U-Minh trình bày cho người đọc nhiều bức tranh sinh hoạt thường ngày của người dân địa phương cũng như các dân mới bị đưa đày đến đó, những 'nông trường viên', 'công trường viên', như Hiếu Đệ. Con người kéo mạ thay trâu bò vào những mùa cấy Thu Đông (tr. 224), mùa lúa này xong là đến vụ khác trồng trọt, v.v.

Rồi những cây cầu khỉ làm bằng cây tràm trở thành cực hình với người ở thành, cả với người đã ở lâu, tai nạn gãy cầu vẫn thường xảy ra. "Dân địa phương vẫn bị tai nạn về cầu khỉ. Vì cây tràm có đặc tánh ngâm nước không mục, nhưng ở trên khô lâu ngày thì mục và dòn. Khi gãy là gãy ngang thình lình. Nạn nhân té xuống nước

để bị nguy hiểm, do những cọc tràm từ những cầu gãy trước, đâm xóc vào mình" (tr. 87).

U-Minh là vùng đất lưu đầy khổ lụy. Khổ tinh thần bị theo dõi, còn vật chất thì được thiên nhiên chiều đãi hơn cả người ở thành phố: gạo ở U-Minh đây có ăn, cả để nuôi heo, trong khi thành phố phải ăn độn để xuất cảng, thành thử có gạo và có đậu nành làm rượu ngon khỏi phải dùng đến sắn và bột đường thái cũng như khỏi cần đến trò thuốc giết rầy. Cộng-sản Hà nội 'bế quan toả cảng' cấm đưa hàng về thành phố, địa phương nào ở địa phương đó, cho nên nhờ vậy mà dù nơi đây là U-Minh nhưng vẫn có nhà thuốc Tây Ta, quán tiệm, chợ trái cây, vải vóc, v.v.

Lưu Xứ U-Minh cũng vẽ lên cái tình giữa những con người với nhau bất kể gốc gác, thân thế: người dân địa phương như Thạch On, kinh tế mới như Năm F5, Sáu Thất, đồng tù đầy như Ba Như Bảo, Hai Rạch Giá, 'hùm địa phương' như lão Sáu Lụa - chủ tịch UBND Phường 10, chặn cướp lương của công trường viên nhưng rồi thành bạn nhậu với họ và bất mãn chữ Việt-cộng Sáu Dân, Đỗ Mười, nhìn nhận thời 'ngụy' nhân đạo hơn thời nay dù cộng sản vẫn tự khoe khoang 'ưu việt'!

Làm thân 'tù học tập', là 'ngụy', nhưng nhiều người có số được/bị gái Bắc mê, như Như Bảo bị một bà Bắc kỳ quê mùa xấu xí đeo như đĩa mà anh vô tình dính từ thời đi kháng chiến ở Sơn Tây, mấy chục năm sau bà ta lại đi tìm thăm nuôi anh ở trại tù Bù Gia Mập.

Thủ trưởng Ba Đức bắt nông trường viên và dân chúng thành những 'anh hùng lao động' phải đạt những chỉ tiêu của trung ương, những 'thành quả tiên tiến', chương trình bóc lột sức lao động liên tục không ngừng nghỉ, mùa này xong là vụ khác trồng trọt,... "đàn ông thành trâu bò, đàn bà thành khỉ Cà-Mau hết cả" (tr 119). Trẻ nít cũng vậy, không được đi học. Y rất độc ác và đùng chạm với cả địa phương nên có dịp là người ta bầy trả thù, ngay cả du kích địa phương (X. tr. 164).

Ngôn ngữ Việt cộng là của kẻ thắng và của 'lưỡi gổ': nói xuôi nói ngược, nói ngang nói dọc gì cũng được cả. Ngôn ngữ và con người thường trực hai mặt vì kẻ thù và nghi kỵ từ mọi phía bao vây, kềm kẹp, tiêu biểu là ngôn ngữ của những dân kinh tế mới như Sáu Thất (dân chuyên 'hạ cò Tây' ở thành phố SG phải về kinh tế mới), hay

quản đốc công trường Tư Năng (cuối cùng cũng vượt biên), ... Trung ương và lãnh tụ Việt cộng nói và làm ngược, dĩ nhiên trước sau cũng đã đưa đến bất mãn và cả vượt biên trốn thoát khỏi vòng kiểm toả.

Tất cả người dân U-Minh đều phải sống trong tình trạng trên đe dưới búa, đã có du-kích địa phương lại thêm vệ binh từ trung ương gửi xuống, rồi đám Thanh Niên Xung Phong. Du kích thường tỏ ra thông cảm với người dân bị đầy xuống U-Minh, là kinh tế mới hay công trường viên, nhưng "đám vệ binh đi theo canh chừng bọn tôi lại bị làm khó dễ, có khi lại còn bị tước vũ khí và tịch thu giấy tờ" (tr. 76). Vệ binh tức bọn cờ đỏ (cộng sản Hà-nội) khác Việt cộng Nam-kỳ; du kích vốn là người từng nghe theo Mặt Trận GPMN nên sau 1975 rất ghét VC từ Bắc vào mà họ không coi là cùng người Việt Nam - du kích xem đám 'vệ binh cán bộ công trường' từ Bắc vào là 'người Bắc kỳ' (tr. 96) kiểu "mấy thằng Bắc kỳ rắc rối làm tàng" (tr. 59)! Và nhiều trận đùng độ đã từng xảy ra giữa hai đám người Việt-cộng này. Đặc biệt là với nạn nhân công trường viên thì đám du kích và lãnh tụ như lão Sáu Lụa, lại có thể nhậu nhẹt, chuyện trò chung.

Nhưng 'rừng nào cọp nấy' và cọp và hùm xám cũng nhiều loại, dù cọp ở U-Minh tưởng đã tuyệt chủng không ngờ có nhiều thứ người là thay thế giống thú ấy (như hai thủ trưởng Ba Đức, Tư Năng và cả Ba Kiến, chủ vừa bán mắm to nhất vùng). Và nhiều lúc cán bộ và vệ binh phải thua du kích địa phương như lão Sáu Lụa tước súng và của cải lại sau khi bị chúng hiếp đáp, cướp của hại người.

Đám bộ đội phục viên miền Bắc lộng hành, ngay cả giành gái: chàng 'thi sĩ' Hữu yêu người con gái đã bị con của cán bộ để ý, nên bị bắn bị thương nặng; may mà được Năm Tràm tình cờ đi qua đó cứu kịp, nhưng lại bị quản đốc công trường khiển trách. Chúng cách ly hai người bằng cách trả anh chàng về thành phố. Cô gái bán sạp vải phía Tây nhà lồng chợ đã chệch mảnh bằng phó tiến sĩ Liên-sô và quyền thế của con huyện ủy để yêu Hữu, một "anh chàng công trường viên, một thứ tù cải tạo bị lưu đầy xuống rừng U-Minh. Anh chàng này bị ám hại đủ mọi thứ, cuối cùng sau đêm Giáng Sinh, họ hẹn nhau và đi vượt biên trót lọt. Như thế là quyền lực và họng súng cũng không thắng nổi con tim" (tr. 254). Ngoài ra, Việt-cộng

triệt hạ đền chùa, cấm cúng kiến, nhưng chúng không cấm được dân lập miếu ông Trương Cội - một cựu quận trưởng VNCH đã về hưu vẫn làm việc xã hội và giúp dân, sau 1975, Việt-cộng đã bắt và hành quyết ông ở quận An-Biên.

Trong đám bộ đội phục viên cũng có người biết mình bị lừa: "đôi dép râu dẫm nát thời trai trẻ / nón tai bèo che khuất tuổi xuân sanh". Chính hung thần công trường Ba Đức rồi cũng thối mũi độc của trung ương, trở nên 'bất mãn chửi bới lung tung', bị mất chức quản đốc công trường vô tay Tư Năng. Thật ra cả hai cùng bị trung ương thất sủng khi bị gọi về vùng đất U-Minh, cho nên họ rồi cũng tự dọn đường đi, tích lũy của cải để đi chui hoặc tìm đường sống khác.

Cuộc sống chung đụng ở U-Minh khiến tình người đầy ắp, cả tình yêu, dĩ nhiên ở phía nạn nhân và dân giả, qua những cô gái như Hồng, Đào, Cúc, Lan, y tá Mai, ... Như cô Hồng, "da thịt ... cứng sần hơn da thịt đồng đen của gái Miền (...) hừng hực lửa của tuổi xuân thì, của mùa xuân bắt diệt" làm sao mà đàn ông dù trong tình trạng đọa đầy không bị siêu lòng, buông xuôi. Các 'công trường viên' và tù cải tạo lưu xứ như Hiếu Đệ «có chữ nghĩa, cũng là người văn minh hơn bọn thanh niên ở Rừng Tràm», nên hay bị các cô công khai 'tán công tự hiến' nhưng Hiếu Đệ cảm thương vì bọn 'tù cải tạo lưu xứ' cũng chỉ là một bến nước đục mà thôi! (tr 135).

Việt-cộng giờ đủ trò, tranh gái xong thì chơi xấu bày trò cấm cản các cô gái thăm Tết các tù cải tạo lưu xứ. Không riêng gì với đám du kích, vệ binh mà cả với các công trường viên, ở một nơi quê mùa, hẻo lánh như vậy thì những thiếu nữ hay đàn bà xấu đẹp, tiêu chuẩn đã đổi. Dân gian có câu "gái U-Minh đá ra lửa", nên bạo trợn mà cũng dữ hơn và khi đã yêu là bám chặt chàng trai : tình yêu các cô «kháng khí, say cuồng và dẻo dai như tràm ngập nước» (tr. 145). Trẻ đẹp hơn thì có Thu, con gái của Năm F.5, với "đôi môi mọng đỏ không cười mà cười, qua làn áo lụa mỏng, đôi vàng ngực nhọn núm vú cau của nàng rung rinh phập phồng, hấp dẫn dễ sợ,..." (tr. 170), "cái mặt vác hát, ngực bánh tiêu cứng cứng, eo lưng ưỡn ẹo, đít nhún nhảy làm cho mấy thằng du kích mắt mắt dòm theo muốn lột tròng" (tr. 168). Nói đến sắc đẹp thì như cô gái bán vải ở chợ : "Gái U-Minh tuy choàng khăn rằn che mặt nhưng có đôi mắt thu hồn" khiến trai tráng "tay

nhúng chàm còn không rửa được, hướng chi là trái tim" (tr. 208), v.v. Cứ thế mà nhiều thanh niên mà ngay cả các ông cũng mê mẩn, thập thò!

Sài-Gòn đã mất nhưng nơi đất lưu đầy mới, người dân công khai nghe nhạc vàng (chợ búa hàng quán mở nhạc Mai Lệ Huyền, Hùng Cường, cải lương Thanh Nga, Thành Được,...), dùng lại từ ngữ, địa danh chốn cũ: Quận 2, Quận 5, Quận 3, Quận Gò Vấp, Quận Bình Thạnh, v.v. 'hiện diện' nơi vùng kinh tế mới dù ở đây mỗi quận chỉ có vài chục căn nhà. Họ không lựa chọn phải sống nơi vùng kinh tế mới này nhưng tinh thần vẫn mạnh, họ sống thành khu với tên gọi ở Sài-Gòn và mở lại những nghề như ở Sài-Gòn ngày trước, như hàng quán, tiệm may, thuốc Tây, hay như Sáu Thất tiếp tục 'hạ cờ Tây' bẫy mún, v.v. Ngoài ra có những địa danh mới như 'con kinh cải tạo', v.v.

U-Minh vô tình trở thành nơi quản tù những đồng đội hay người quen từ thủ đô miền Nam cũ (như Chu Vi Long bị bệnh tâm thần 31, con nhà báo Chu Tử, bệnh nặng không đủ thuốc cuối cùng Cộng-sản phải cho trở về nguyên quán), cũng là nơi quản tù những người vượt biên thất bại hoặc tìm đường đi, nhất là những người Hoa từ 1979, 1980, Việt-cộng bóc lột người Hoa, người làm ăn giàu và cả những tên tinh úy gốc Hoa hoặc bị tù hoặc tự nhiên lẳng đùng ra chết. Nhưng nhiều người sống đã quen, làm ăn được, kể cả vui sống, bèn chấp nhận nơi này làm quê hương mới!

Tại vùng kinh tế mới và công nông trường, đàn ông dù không muốn cũng trở thành nội trợ đảm đang, biết xoay sở làm mắm, rau củ để nấu canh, làm món. Vì lẽ sống còn nên phải biết phân biệt rau củ vì củ cây mới, hoang dã nơi nước độc: rau diệu, rau tàu bay (ăn nhiều sẽ mất máu) sẽ gây bệnh sốt rét, rau muống trâu - chỉ để cho trâu ăn, người ăn sẽ bị tháo dạ đi chảy (chỉ ăn ngọn thôi). Đời sống 'gạo chợ nước sông' nhưng nước sông rữa tràn có màu coca cola (cà-phê!), người ta lội trong nước đó rồi lại cũng nước đó ngẫu đó làm nước uống, trà pha với nước đó trở thành "trà Hué", v.v..

Đói và lao động khổ sai đưa đến những cái chết đau đớn, những bất lực của người đồng cảnh ngộ 'nông trường viên'. Thân phận tù không án, đầy không xử. Tai họa, đọa đầy, chết chóc không chỉ với các công nông trường viên mà cả với thân

nhân, gia đình họ. Một chiếc ghe đưa họ đến công trường thăm nuôi thì bị tàu tuần duyên đánh đắm. Hiếu Đệ đã phải than thở: "Sao người ta cứ muốn hãm hại chúng tôi cho chết? Chúng tôi đã học tập cải tạo tốt rồi, theo lời hứa khoan hồng thì họ phải trả tự do cho chúng tôi về lại với gia đình, với vợ con. Sao lại bày vẽ chỉ định cư trú làm chi? Giam giữ một người trái với chánh sách ban đầu, cướp mất quyền làm người của người dân lẽ ra phải được tôn trọng, nay lại gieo thêm khổ hận, chết chóc cho gia đình thân nhân người ấy nữa. Bảo là vì độc lập, tự do hạnh phúc cho nhân dân đó sao?" (tr. 84).

Có thể xem *Lưu Xứ U-Minh* là chuỗi trường ngâm nói lên tình cảnh ngậm ngùi của người lính và người dân thua trận bị bỏ rơi. Họ sinh hoạt hay nhập cuộc là vì đất nước, nay phải chung chịu cảnh tang thương lịch sử. Đoạn trường nghẹn ngào xót xa của nhà văn ở đây cũng chính là tâm sự, nỗi lòng của nhiều người. Bằng những diễn tả tâm tình, nhận xét, bằng những kinh qua và phản ứng, ngay từ thân xác và tinh thần, bằng nhận xét (trong đắng cay) và ngôn ngữ sử dụng một cách tự nhiên mà đầy tinh tế. Ngôn ngữ Hiếu Đệ đơn giản chân thành, tinh táo nhưng đầy chua cay, bất lực - một ngôn ngữ của nạn nhân, từ hoàn cảnh gây ra, từ lý trí, con tim bị ức chế không thể làm gì khác.

Vốn là họa sĩ do đó người đọc sẽ ngạc nhiên thấy ngòi bút Hiếu Đệ tả cảnh đời cũng như phong cảnh tài tình, những đoạn tả cảnh nhậu kiêu Nam-kỳ, những luật lệ dân chơi cũng như luật rừng. Miêu tả theo lối phác thảo, cũng như những nói lên tâm cảnh và suy tư nhân bản. Tưởng cũng cần nhắc lại là Hiếu Đệ viết văn làm báo từ đầu thập niên 1950, sau ông chuyên về hội họa và phục vụ ngành tâm-lý-chiến.

«Buổi chợ hừng đông ... 4 giờ» là một chương sách văn tả cảnh khá đẹp và sống động, lạc lõng giữa những chuyện bạo lực, đối đầu, mưu chước, thù hận:

"... Chợ nhóm vào bốn giờ sáng và tan vào bảy giờ sáng khi mặt nhật đỏ chân trời. Chợ tan vào giờ ấy để mọi người trở về làm việc đồng áng. Và những con buôn mua thổ sản rẻ ở địa phương, cũng vội chở hàng ra chợ quận, chợ tỉnh cho kịp buổi chợ ấy.

Ai cũng hối hả. Xuồng bơi ồ ạt. Ít có xuồng dùng đèn bấm rọi đường như xuồng chúng tôi. Phần đông họ đốt đuốc. Rừng đuốc lập loè trước gió, như ngàn sao sáng rực khúc sông...

Thỉnh thoảng một ghe tắc ránh, dài và dẹp mình như con cá lim kim, có gắn máy chạy qua ngang. Ngọn sóng lớn nhồi ghe, xuồng trên kính lên xuống như đoàn ghe cỡi sóng ra khơi. Những tàn lửa đuốc bay theo gió và tắt ngúm phía sau mịt mờ đen tối.

Tôi ngẩn ngơ tay dầm, nhìn hình ảnh tuyệt đẹp ấy mà ước sao có cây cọ, khung vẽ để ghi trong tranh những xúc cảm của mình. Xuồng ra đến ngã ba. Đường nước trước mặt chợ rất rộng. Những xuồng ghe như đàn rắn lửa lướt vào bến, lớp này xong đến lớp kia.

Xuồng ghé vào bến, đậu san sát nhau. Lửa đuốc cũng dụi tắt dần. Nhiều bóng người lom khom khiêng vác hàng lên chợ, vẫn chìm trong màu u ám đặc biệt của vùng U-Minh không sáng tỏ dưới ánh đuốc lơ mờ. Vòm trời mông lung, xa vắng. Vài ngôi sao thưa thớt trên cao, rụng lạc loài ...

Chúng tôi hỏi nhau:

- Chợ chưa nhóm sao? Nhóm trong ánh lửa tù mù thế à?

Mấy người phụ nữ ngồi xuống kế bên, có lẽ là dân vùng kinh tế mới trong rừng, trông về bến chợ với ánh mắt hy vọng bé nhỏ, mà dân miền Nam đã mất từ sau 75, được mua hay bán một vật gì không bị đánh cắp:

- Chờ chút. Đến giờ rồi, nhà đèn sắp chạy máy ..

Quả nhiên, đã có tiếng máy xình xịch. Tức thì đèn điện trong chợ bật sáng trưng, làm chóa mắt mọi người. Như dân thành phố bị cúp điện mà có điện trở lại, mọi người dưới xuồng kêu lên một tiếng mừng rỡ lan truyền. Nơi bến bảy giờ đã có hàng mấy trăm ghe xuồng san sát ..." (tr. 91-92).

Dĩ nhiên cảnh tượng có vô tri hay náo nhiệt, nhưng con người vẫn bị trói buộc theo chính sách: Hiếu Đệ và đồng cảnh ngộ chịu câu thúc của vệ binh và cán bộ đi kèm cùng xuồng!

Nếu phải so-sánh với Sơn Nam là nhà văn một thời nổi tiếng về vùng đất và con người tiên phong khẩn hoang khai phá miền cực Nam qua *Hương Rừng Cà Mau* và nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết khác, Hiếu Đệ vốn không phải là nhà văn

nên không thể có sự nghiệp dài hơi như Sơn Nam, nhưng Hiếu Đệ đã có công ghi lại bức tranh vãn cảnh của một thời đại nhiễu nhương mà lòng người khó biết, mà sự ác hoành hành, ... Ở Sơn Nam là những con người tâm hồn thô sơ nhưng ý chí dũng cảm, thể lực dạn dày, lúc nào cũng sẵn sàng đương đầu với thiên nhiên hoang dã đầy chạm bẫy và thú dữ. Trong khi đó ở *Lưu Xứ U-Minh*, con người bị phế bỏ, chỉ còn là những tàn độc dành cho đồng loại, có khi còn ác hơn thú dữ, thiên nhiên.

Nếu ở Sơn Nam là những huyền thoại về những con người thời khẩn hoang miền đất mới, với những nhân vật như nàng Hoàng Mai gốc vương giả, như Tư Đức, Tám Tịch hay Năm Hên chuyên bắt sấu, hay Bà Chúa Hòn, v.v. thì trong *Lưu Xứ U-Minh*, Hiếu Đệ đã ghi lại những chuyện huyền hoặc gọi là chuyện chú Ba Phi, một nhân vật theo truyền tụng là trong số những người đầu tiên đến vùng đất U-Minh khẩn hoang lập ấp, "một nhân vật tưởng tượng, dóc hết chỗ dóc", như chuyện kể chú giết con rắn Hổ hay mổ người, chuyện chú lập kế bắt cả bày con Già-đãi (marabout) bằng cách làm chúng lẫn lộn mắc hết vào sợi dây câu rồi cứ thế kéo về nhà, hay chuyện chú đi lấy mật ong té cây mà ba ngày ba đêm vẫn chưa đựng mật đất, v.v. Thời Hiếu Đệ thì người ta tiếp tục thêu dệt thêm bớt, nhưng chú Ba Phi nay thành Việt-cộng 'lưỡi gỗ' : lão Sáu Lụa kể về chú Ba Phi VC này: nào là chuyện cộng-sản Hà-nội bày việc lập công nông trường và kinh tế mới ở U-Minh là có kế hoạch khai thác mỏ dầu và khoáng chất ở thềm lục địa này; hay những huyền thoại như chuyện 'bách chiến bách thắng' của tiểu đoàn Tây-đô Việt-cộng hay các tiểu đoàn U-Minh 1 và 2, v.v. Nhưng Sáu Lụa vốn người địa phương theo Việt-cộng "từ du kích lên, chả có được huấn luyện quân sự gì ráo và chữ nghĩa cũng chẳng bao nhiêu. Chính do những điểm này, mà lão dễ thành một thứ cuồng hào ác bá hay hùm xám U-Minh" (tr. 244). Rồi cũng vì hiểu ra thân thế bị lợi dụng nên lão ta rơi vào 'tiêu cực' và hòa đồng được với những tù lao động như Hiếu Đệ.

Thời Hiếu Đệ, bê-tông, cơ giới, ca-nô, v.v đã vào đến U-Minh từ lâu, nhưng não trạng 'xã hội chủ nghĩa ưu việt', 'chiến thắng Mỹ ngụy', v.v. đã khiến Việt-cộng đẩy lùi văn minh, trâu được tận dụng trở lại nhiều hơn, người phải ra tay dùng chân lao động - như những cực hình, đòn thù,

hơn là tiến bộ 'ưu việt' Mưu sự tới mấy vẫn cần nhiều yếu tố (nhân, thiên, địa) nên cuối cùng vùng "công trường đã bị nước lụt cuốn trôi đi hết... Công trình xây dựng vùng Sài-Gòn mới ở Rừng Tràm U-Minh, coi như đổ sông, đổ biển. Và Rừng Tràm phải trả lại cho Rừng Tràm! (...) Kế hoạch kinh tế của bọn thành ủy rồi cũng phải đi về lại Sài-Gòn thôi. Của cải và công sức của họ đem xuống U-Minh sẽ bị đổ sông đổ biển hết. Đất U-Minh phải trả lại cho người U-Minh thôi" (tr. 244, 246). Chính những ngày sắp được trả tự do trở về Sài-Gòn, Hiếu Đệ đã chứng kiến cảnh lũ lụt rất lớn mà theo người địa phương như lão Sáu Lụa, thì trận lụt này khủng khiếp hơn vì bọn Tàu cộng sau khi tấn công sáu tỉnh ở biên giới, đã gỡ một số đập ở thượng nguồn gây lũ lụt lớn; theo lão đây là đòn trả thù Hà-nội đã dám phản phúc trong vụ bóc lột người Hoa và chiến tranh với đàn anh mà ơn cưu mang trong cuộc chiến với Pháp, Mỹ, vẫn chưa trả hết.

Ngay cả những cái gọi là chính sách 'khoan hồng' 'cải tạo, học tập' rồi ra cũng chỉ chứng minh đó là những đòn thù nhỏ mọn và chứng tỏ thêm trò bịch bợm của Việt cộng: biến con người thành con vật, hạ phẩm giá con người, người khác, phủ nhận thành quả của người khác và hạ thấp cái có thành không. Chúng nhắm làm rã rời nghị lực, tinh thần chống đối nơi dân chúng. 'Cải tạo', 'kinh tế mới' sau 1975 đã và sẽ là vắn nạn lâu dài cho lương tâm con người và lịch sử dân tộc.

Hiếu Đệ đã thuộc về số các tác giả làm chứng giám cho thời đại và lịch sử, đã ra công ghi lại cho người và đời sau, để rút kinh nghiệm con người một thời đã hành xử, đối đãi nhau cũng như ghi lại những tàn phá của những ý thức hệ ngoại lai, không tưởng! Qua *Lưu Xứ U-Minh*, Hiếu Đệ như muốn nói rằng mọi công trình cũng như chế độ, nếu phản khoa học, phản thiên nhiên và chà đạp con người thì rồi cũng sẽ phải đổ sông đổ biển hết, như những công nông trường ở U-Minh!

Nguyễn Vy-Khanh